

Phụ lục

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO ĐẾN NĂM 2030 CỦA NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

| TT | Nội dung, nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện |
|----------|---|--|---------------------|
| I | Về thể chế và chính sách | | |
| 1 | Xây dựng Kế hoạch của đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ và ĐMST đến năm 2030 của ngành GTVT | <u>Viện CL&PT GTVT, Viện KH&CN GTVT; các Trường, học viện và doanh nghiệp thuộc Bộ GTVT</u> | 2024 |
| 2 | Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch 5 năm về xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chuyên ngành GTVT (chú trọng xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn liên quan đến thúc đẩy chuyển đổi năng lượng xanh của ngành GTVT; ứng dụng công nghệ mới, chuyển đổi số trong xây dựng, quản lý khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông và vận hành hệ thống GTVT: hệ thống giao thông thông minh (ITS), đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị ...). | <u>Vụ KHCN&MT</u> Các Cục: ĐBVN, ĐCTVN, ĐSVN, ĐTNĐVN, HHVN, HKVN, QLĐTXD, ĐKVN (theo lĩnh vực quản lý); các Vụ: PC, VT, KCHTGT, TC. | 2024-2030 |
| 3 | Cập nhật, hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ ngành GTVT. | <u>Trung tâm CNTT</u> Vụ KHCN&MT; Các Cục: ĐBVN, ĐCTVN, ĐSVN, ĐTNĐVN, HHVN, HKVN, QLĐTXD, ĐKVN; các viện: CL&PT GTVT, KH&CN GTVT; | 2024-2025 |

| TT | Nội dung, nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện |
|----|---|--|---------------------|
| | | các trường, học viện và doanh nghiệp thuộc Bộ GTVT | |
| 4 | Sắp xếp các tổ chức khoa học và công nghệ công lập phù hợp với Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập (theo chỉ đạo tại Quyết định số 229/QĐ-TTg ngày 13/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050) | <p style="text-align: center;"><u>Vụ TCCB</u></p> <p style="text-align: center;">Các Vụ: KH&CN, TC;</p> <p>các viện: CL&PT GTVT, KH&CN GTVT; các trường, học viện thuộc Bộ GTVT</p> | 2024 |
| 5 | Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ GTVT nhằm thúc đẩy nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ và ĐMST. | <p style="text-align: center;"><u>Vụ KH&CN</u></p> <p style="text-align: center;">Các Vụ: TC, PC</p> <p style="text-align: center;">Các Cục: ĐBVN, ĐCTVN, ĐSVN, ĐTNĐVN, HHVN, HKVN, QLĐTXD, ĐKVN;</p> <p>các Viện: CL&PT GTVT, KH&CN GTVT; các trường, học viện và doanh nghiệp thuộc Bộ GTVT</p> | 2024 |
| 6 | Nghiên cứu, đề xuất ban hành chính sách cam kết chuyển giao công nghệ đường sắt tốc độ cao với các nhà thầu nước ngoài trong đầu tư đường sắt tại Việt Nam. Nghiên cứu xây dựng cơ chế đặt hàng, tạo điều kiện cho một số tập đoàn, doanh nghiệp trong nước có quy mô lớn, có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ có tính chiến lược, dẫn dắt quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nội địa hóa; liên doanh, liên kết giữa doanh nghiệp trong | <p style="text-align: center;"><u>Cục ĐSVN</u></p> <p style="text-align: center;">Các Vụ: KH&CN, KHĐT, TC, KCHTGT, QLDN, HTQT</p> <p style="text-align: center;">các Cục: QLĐTXD, ĐKVN</p> <p>các Viện: CL&PT GTVT, KH&CN GTVT</p> | 2024-2030 |

| TT | Nội dung, nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện |
|------------|--|--|---------------------|
| | nước với doanh nghiệp nước ngoài khi đầu tư phát triển đường sắt | | |
| II | Phát triển khoa học và công nghệ trong xây dựng, quản lý, khai thác bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông | | |
| 1 | Triển khai đề xuất, ứng dụng Mô hình thông tin (BIM) tại một số dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo chỉ đạo tại Quyết định số 258/QĐ-TTg ngày 27/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Lộ trình áp dụng Mô hình thông tin công trình (BIM) trong hoạt động xây dựng); tổng kết đánh giá và phổ biến kết quả áp dụng áp dụng BIM tại các dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông đến các cơ quan, đơn vị có liên quan. | <p style="text-align: center;"><u>Cục QLĐTXD</u> Các Vụ: KCHTGT, KHĐT, TC, KH&CN&MT; các Cục: ĐBVN, ĐCTVN, ĐSVN, ĐTNĐVN, HHVN, HKVN; các Ban QLDA.</p> | 2025-2030 |
| 2 | Xây dựng Chương trình nghiên cứu và đẩy mạnh ứng dụng thiết bị, máy móc tự động hóa, robot hóa trong các dây chuyền thi công khép kín và ưu tiên sử dụng các vật liệu tiên tiến trong xây dựng; bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông. | <p style="text-align: center;"><u>Viện KH&CN GTVT</u> Các Vụ: KH&CN&MT, KCHTGT; các Cục: ĐBVN, ĐCTVN, ĐSVN, ĐTNĐVN, HHVN, HKVN, QLĐTXD, ĐKVN.</p> | 2024-2025 |
| 3 | Triển khai nghiên cứu, tiếp cận, từng bước làm chủ các công nghệ thiết kế, xây dựng, quản lý khai thác và bảo trì đường sắt đô thị, đường sắt tốc độ cao. | <p style="text-align: center;"><u>Cục ĐSVN</u> Các Vụ: KH&CN&MT, KCHTGT; TCT Đường sắt VN, Viện KH&CN GTVT</p> | 2024-2030 |
| III | Phát triển khoa học và công nghệ trong lĩnh vực vận tải và an toàn giao thông | | |

| TT | Nội dung, nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện |
|----|---|--|---------------------|
| 1 | Nghiên cứu lập Đề án đầu tư xây dựng Trung tâm quản lý hệ thống giao thông thông minh (trước mắt tập trung cho lĩnh vực đường bộ cao tốc). | <p style="text-align: center;"><u>Cục ĐCTVN</u></p> Các Vụ: TCCB, KCHTGT, KHĐT, KHCN&MT, VT, TC; các Cục: ĐBVN, ĐTNĐVN, HHVN, HKVN, ĐSVN; Trung tâm CNTT | 2024-2025 |
| 2 | Triển khai nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong công tác quản lý, cải tiến trang thiết bị báo hiệu đường thủy; xây dựng hệ thống bản đồ kỹ thuật số chuyên ngành đường thủy nội địa. | <p style="text-align: center;"><u>Cục ĐTNĐVN</u></p> Các Vụ: KHCN&MT, KCHTGT, VT; Viện KH&CN GTVT; các trường và doanh nghiệp thuộc Bộ GTVT | 2024-2030 |
| 3 | Triển khai nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến để quản lý, điều hành giao thông hàng hải với các hệ thống nhận dạng tự động tàu thuyền (AIS), hệ thống nhận dạng và truy vết theo tầm xa (LRIT), hệ thống quản lý hàng hải tàu biển (VTS) và ứng dụng hải đồ điện tử. | <p style="text-align: center;"><u>Cục HHVN</u></p> Các Vụ: KHCN&MT, KCHTGT, VT; Viện KH&CN GTVT; các trường, học viện và doanh nghiệp thuộc Bộ GTVT | 2024-2030 |
| 4 | Triển khai các hệ thống thông tin, dẫn đường, giám sát và quản lý không lưu (CNS/ATM) mới phù hợp với Chương trình nâng cấp các khối hệ thống hàng không (ASBU) của ICAO; Nghiên cứu xây dựng phương thức bay mới, đường bay mới, quy hoạch vùng trời đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động vận tải hàng không. | <p style="text-align: center;"><u>Cục HKVN</u></p> Các Vụ: KHCN&MT, KCHTGT, VT; TCT Quản lý bay VN | 2024-2030 |

| TT | Nội dung, nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện |
|-----------|---|---|---------------------|
| 5 | Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả giám sát an toàn đối với hoạt động vận tải đường bộ. | <u>Cục ĐBVN</u> Các Vụ: KHCN&MT, VT, KCHTGT; Cục ĐKVN | 2024-2030 |
| IV | Phát triển khoa học và công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp GTVT | | |
| 1 | Triển khai các nghiên cứu phục vụ việc tiếp nhận, chuyển giao các công nghệ đối với công nghiệp phụ trợ trong đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị... | <u>Cục ĐSVN</u> Các Vụ: Vụ KHCN&MT, KHĐT, VT, KCHTGT, TC; TCT Đường sắt VN; các trường, học viện, viện thuộc Bộ GTVT; | 2024-2030 |
| 2 | Triển khai nghiên cứu, từng bước làm chủ công nghệ tiên tiến phục vụ việc sản xuất thiết bị đèn biển, thiết bị báo hiệu vô tuyến điện RACON, AIS ... | <u>Cục HHVN</u> Vụ KHCN&MT, KHĐT, TC; các TCT Bảo đảm an toàn hàng hải. | 2024-2030 |
| 3 | Triển khai các nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ, từng bước làm chủ công nghệ bảo dưỡng sửa chữa các loại máy bay và các thiết bị hiện đại của ngành Hàng không Việt Nam. | <u>Cục HKVN</u> Vụ KHCN&MT; TCT Hàng không Việt Nam; TCT Quản lý bay VN. | 2024-2030 |
| 4 | Triển khai nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong công tác đăng kiểm, kiểm định phương tiện giao thông. | <u>Cục ĐKVN</u> Các Vụ: KHCN&MT; các Cục: ĐBVN, ĐCTVN, ĐTNĐVN, HHVN, ĐSVN. | 2024-2030 |

| TT | Nội dung, nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện |
|-----------|---|--|---------------------|
| 5 | Triển khai nghiên cứu, từng bước làm chủ công nghệ, chế tạo từng phần trang thiết bị chuyên ngành và vật tư, phụ tùng thay thế, tích hợp, lắp đặt hoàn chỉnh một số dây chuyền công nghệ dịch vụ bảo đảm hoạt động bay | <u>Cục HKVN</u> Vụ KHCN&MT; TCT Quản lý bay VN | 2024-2030 |
| V | Phát triển khoa học và công nghệ trong bảo vệ môi trường trong GTVT | | |
| 1 | Triển khai nghiên cứu ứng dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, công nghệ ít tiêu tốn năng lượng vào hệ thống điều tiết, đảm bảo giao thông (hệ thống chiếu sáng, giám sát giao thông, báo hiệu, đo mực nước tự động, đèn hiệu phụ trợ dẫn đường sân bay ứng dụng công nghệ LED ...) trong các dự án đầu tư xây dựng và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông. | <u>Vụ KHCN&MT</u> Các Vụ: KCHTGT, KHĐT, TC; các Cục: ĐBVN, ĐCTVN, ĐSVN, ĐTNDVN, HHVN, HKVN, QLĐTXD; Viện KH&CN GTVT; các trường, học viện và doanh nghiệp thuộc Bộ GTVT | 2024-2030 |
| 2 | Nghiên cứu thí điểm sử dụng phương tiện đường sắt sử dụng điện, năng lượng xanh trên các tuyến đường sắt hiện tại. | <u>Cục ĐSVN</u> Các Vụ: Vụ KHCN&MT, VT, KCHTGT, KHĐT, TC; TCT Đường sắt VN; các trường, học viện, viện thuộc Bộ GTVT. | 2024-2030 |
| VI | Thông tin, truyền thông và phát triển thị trường khoa học và công nghệ | | |
| 1 | Tăng cường công tác thông tin, truyền thông, phổ biến kịp thời các chủ trương, cơ chế chính sách về quản lý, phát triển khoa học và công nghệ &ĐMST; thông tin về nhu cầu của thị trường, | <u>Trung tâm CNTT, Báo GTVT, Tạp chí GTVT</u> Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ GTVT | 2024-2030 |

| TT | Nội dung, nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện |
|------------|--|--|---------------------|
| | của doanh nghiệp đối với hoạt động khoa học và công nghệ; thông tin về kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ của ngành GTVT | | |
| VII | Hợp tác quốc tế | | |
| 1 | Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học và công nghệ và ĐMST; đưa nội dung về hợp tác quốc tế vào chương trình, kế hoạch khoa học và công nghệ và ĐMST của từng cơ quan, đơn vị. | <u>Vụ HTQT,</u> Vụ KHCN&MT; các viện, trường, học viện các doanh nghiệp thuộc Bộ GTVT | 2024-2030 |
| 2 | Tăng cường trao đổi kinh nghiệm tại các nước có trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến nhằm định hướng nghiên cứu ứng dụng các công nghệ mới trong xây dựng cầu, hầm, cảng, sân bay, đường sắt đô thị, đường sắt tốc độ cao... | <u>Các Cục: ĐBVN, ĐCTVN, ĐSVN, ĐTNDVN, HHVN, HKVN, QLĐTXD, ĐKVN (theo lĩnh vực quản lý)</u> Các Vụ: KHCN&MT, HTQT; các viện, trường, học viện, doanh nghiệp thuộc Bộ GTVT | 2024-2030 |

| TT | Nội dung, nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện |
|-------------|--|---|---------------------|
| 3 | <p>Triển khai hiệu quả các thỏa thuận, hiệp định trong lĩnh vực xe cơ giới: Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau ASEAN về chứng nhận kiểu loại sản phẩm xe cơ giới (APMRA); Hiệp định thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA); Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA); Hiệp định về việc chấp thuận các quy định kỹ thuật thống nhất đối với xe cơ giới và các thiết bị, phụ tùng có thể được lắp và/hoặc sử dụng trên xe cơ giới và các điều kiện để công nhận lẫn nhau về phê duyệt/chứng nhận được cấp trên cơ sở các quy định này, được điều hành bởi Diễn đàn thế giới về hài hoà các quy định đối với xe cơ giới (UNECE 1958).</p> | <p style="text-align: center;"><u>Cục ĐKVN</u> Các Vụ: HTQT, KH&CN&MT</p> | 2024-2030 |
| VIII | Phát triển nguồn nhân lực | | |
| 1 | <p>Xây dựng định hướng phát triển nhân lực ngành GTVT đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển các lĩnh vực GTVT đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.</p> | <p style="text-align: center;"><u>Viện CL&PT GTVT</u> Vụ TCCB; Các Cục: ĐBVN, ĐCTVN, ĐSVN, ĐTNĐVN, HHVN, HKVN, ĐKVN; Viện KH&CN GTVT; Các trường, học viện, doanh nghiệp thuộc Bộ GTVT</p> | 2024-2025 |